**Mẫu số 01:** Mẫu bảng kê chi tiền của doanh nghiệp theo thông tư 200/2014/TT-BTC:

Mẫu này áp dụng với các đối tượng là doanh nghiệp:

- Các doanh nghiệp thuộc mọi lĩnh vực, mọi thành phần kinh tế

- Các doanh nghiệp vừa và nhỏ được vận dụng quy định của Thông tư 200/2014/TT-BTC đang thực hiện kế toán theo Chế độ kế toán áp dụng cho doanh nghiệp vừa và nhỏ để kế toán phù hợp với đặc điểm kinh doanh và yêu cầu quản lý của mình

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Đơn vị:................** |  |  |
| **Bộ phận .............** |  |  |

**BẢNG KÊ CHI TIỀN**

*Ngày..... tháng..... năm....*

Họ và tên người chi: ....................................................................................................

Bộ phận (hoặc địa chỉ):  ..............................................................................................

Chi cho công việc: .......................................................................................................

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| STT | Chứng từ | | Nội dung chi | Số tiền |
| Số hiệu | Ngày, tháng |
| A | B | C | D | 1 |
|  |  |  |  |  |
|  |  |  | Cộng |  |

Số tiền bằng chữ:................................................................................................

(Kèm theo.... chứng từ gốc).

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Người lập bảng kê** | **Kế toán trưởng** | **Người duyệt** |
| *(Ký, họ tên)* | *(Ký, họ tên)* | *(Ký, họ tên)* |

**Mẫu số 02:** Mẫu bảng kê chi tiền của doanh nghiệp theo thông tư 133/2016/TT-BTC:

Mẫu này được áp dụng đối với các đối tượng doanh nghiệp bao gồm:

- Doanh nghiệp có quy mô nhỏ và vừa thuộc lĩnh vực đặc thù như điện lực, dầu khí, bảo hiểm, chứng khoán ... đã được Bộ Tài chính ban hành hoặc chấp thuận áp dụng chế độ kế toán đặc thù

- Các doanh nghiệp nhỏ và vừa (bao gồm cả doanh nghiệp siêu nhỏ) thuộc mọi lĩnh vực, mọi thành phần kinh tế theo quy định của pháp luật về hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa trừ doanh nghiệp Nhà nước, doanh nghiệp do Nhà nước sở hữu trên 50% vốn điều lệ, công ty đại chúng theo quy định của pháp luật về chứng khoán, các hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã theo quy định tại Luật hợp tác xã

|  |  |
| --- | --- |
| **Đơn vị**: …………………  **Bộ phận**: ……………… | **Mẫu số 06 - VT**  (Ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT-BTC ngày 26/8/2016 của Bộ Tài chính) |

**BẢNG KÊ MUA HÀNG**

Ngày .... tháng.... năm ....

**Quyển số:**………….

**Số:**………….

**Nợ**:………….

**Có:**………….

- Họ và tên người mua:………………………

- Bộ phận (phòng, ban):…………………………

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| STT | Tên, quy cách, phẩm chất hàng hóa (vật tư, công cụ...) | Địa chỉ mua hàng | Đơn vị tính | Số lượng | Đơn giá | Thành tiền |
| A | B | C | D | 1 | 2 | 3 |
|  |  |  |  |  |  |  |
| **Cộng** |  | x | x | x |  |

Tổng số tiền (Viết bằng chữ): ……………………………….

\* Ghi chú: ………………………………………………….………..

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Người mua**  (Ký, họ tên) | **Kế toán trưởng**  (Ký, họ tên) | **Người duyệt mua**  (Ký, họ tên) |